

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/HS-ST**
Ngày 23 tháng 02 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung
Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lương Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T - sinh năm 1991, tại Nam Định; Giới tính; Nam; Hộ khẩu thường trú: xóm 5, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi sinh sống (nơi ở): ấp 2, xã L, huyện N1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ng (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966; Vợ: Vũ Thị Th, sinh năm 1996; Con: 01 người sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 05/6/2020, đến ngày 11/6/2020 được hủy bỏ Quyết định tạm giữ; Ngày 11/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lê Kim Ng1, sinh năm 1989, trú tại tổ 23, khu P, thị trấn T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2/ Bà Đoàn Thị U, sinh năm: 1955, trú tại khu phố M, thị trấn P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10 năm 2018 (không nhớ ngày) Trần Văn T cho chị Lê Kim Ng1 vay số tiền là 20.000.000 đồng với lãi suất 13.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tức là với số tiền vay 20.000.000 đồng Ng phải trả số tiền lãi là 260.000 đồng/ngày, số tiền gốc giữ nguyên. Như vậy mức lãi suất T cho vay vượt 22 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng ngày trực tiếp T hoặc P1 (bạn của T chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến gặp Ng để lấy số tiền lãi hoặc Ngân trả tiền lãi cho T qua tài khoản ngân hàng. Tổng số tiền, T đã thu lợi bất chính từ việc cho chị Ng1 vay là 105.000.000 đồng.

Đến tháng 10/2019 Trần Văn T cho Đoàn Thị U vay số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không có thế chấp, hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 10.000 đồng/1.000.000/ngày, như vậy với số tiền vay 15.000.000 đồng U phải trả 150.000 đồng/ngày vượt 16,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho chị U vay là 20.750.000 đồng.

Ngày 06/6/2020 khi T và chị Lê Kim Ng1 đang giao nhận tiền thì bị Công an thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bắt khẩn cấp.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 125.750.025 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Trần Văn T đã trả lại cho chị Lê Thị Kim Ng1 số tiền 10.000.000 đồng và Đoàn Thị U số tiền tiền 15.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSLT ngày 12 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Trần Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị xử phạt bị cáo T từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 70.000.000 đồng cho chị Lê Kim Ng1 và buộc bị cáo nộp lại số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu, nhận thức được hành vi của mình là sai, ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, trong giai đoạn điều tra bà U đã có lời khai, không có yêu cầu gì. Do vậy việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về căn cứ buộc tội: Do không có việc làm ổn định nên từ tháng 8/2018 đến tháng 06/2020 Trần Văn T đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự lấy tiền tiêu xài cá nhân, mức lãi suất T cho vay chị Lê Kim Ng1 là 468%/năm (vượt 22 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền thu lợi bất chính là 105.000.000 đồng và đối với bà Đoàn Thị U là 360%/năm (vượt 16,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền thu lợi bất chính là 20.750.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 125.750.025 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn T đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo theo tội danh, khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hành vi cho vay lãi nặng cũng là nguyên nhân dẫn đến các hoạt động băng đảng, làm gia tăng các tội phạm khác như: Tội cố ý gây thương tích, tội cướp tài sản hoặc tội cưỡng đoạt tài sản gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật; nhưng bị cáo vẫn có tình thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần T phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) mà bị cáo T cho chị Ng1, bà U vay với tổng số tiền là 35.000.000 đồng; số tiền này được xác định là phương tiện phạm tội, nên buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% mà chị Ng1, bà U trả cho bị cáo T với tổng số tiền là 6.249.975 đồng (chị Ng1 4.999.980đ, bà U 1.249.995đ); đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản tiền lãi 105.000.000 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20% là khoản tiền mà bị cáo T thu lợi bất chính của người vay tiền là chị Lê Thị Kim Ng1, nên cần trả lại cho chị Ng1. Do bị cáo T đã trả lại cho chị Ng1 số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 95.000.000 đồng; tại phiên tòa chị Ng1 chỉ yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 70.000.000 đồng, nên buộc bị cáo phải trả lại cho chị Ng1 số tiền 70.000.000 đồng.

- Khoản tiền lãi 20.750.000 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20% là khoản tiền mà bị cáo T thu lợi bất chính của người vay tiền là bà Đoàn Thị U, nên cần trả lại cho bà U. Do bị cáo T đã trả lại cho bà U số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 5.750.000 đồng bà U không yêu cầu bị cáo T trả lại, nên Tòa án không giải quyết.

[9] Về vấn đề khác:

Quá trình điều tra Trần Văn T khai nhận còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhưng chưa rõ nhân thân lai lịch của người vay nên chưa có căn cứ xử lý, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với người những người tên H1, P1, Trần Quang N1, Bùi Đức H2 có hành vi liên quan đến việc T cho chị Lê Kim Ng1 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của H1, P1, Trần Quang N1, Bùi Đức H2 nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Thanh T2 có hành vi cho T mượn số tài khoản Ngân hàng, nhưng không liên quan đến việc T phạm tội nên không xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; riêng phần biện pháp tư pháp và mức hình phạt tù có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T: **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án (được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 05/6/2020 đến ngày 11/6/2020).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp lại số tiền 41.249.975đ (Bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại cho chị Lê Kim Ng1 số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Kim Ng1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đức Chung

Lê Thị Ánh Sáng

Phạm Ngọc Quyền

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQL, NV liên quan;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;

- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Long Thành;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quyền

